

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2018
V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Minh**;
2. Ông **Huỳnh Thanh Bình**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Sang** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **02** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1989.

Cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Phước C**, sinh năm: 1988.

Cư trú: Ấp Ph, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà P có mặt, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Nguyễn Thị P, trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông C được hình thành là do hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2011, bà và ông C đến UBND xã P để đăng ký kết hôn nhưng do bà P mất giấy chứng minh nhân dân nên UBND xã yêu cầu phải có giấy chứng minh nhân dân mới làm thủ tục và đến nay bà và ông C vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống vợ chồng bà làm thuê trên thành phố ông C làm phụ hồ nhưng không lo làm mà thường xuyên nghỉ việc ăn nhậu, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, cự cãi thì ông C đánh đập bà nên vào năm 2016 bà có nộp đơn ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết thì ông C bị bệnh nhập viện, vì nghĩa tình

nghĩa vợ chồng nên bà rút đơn xin ly hôn và tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, sau khi ông C hết bệnh thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, bà cũng bỏ đi nhiều lần nhưng sau đó đoàn tụ lại nhưng ông C vẫn tính nết bất nết không thay đổi. Cho đến tháng 6/2017, mâu thuẫn giữa bà và ông C thật sự trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, ông C cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tính bạo lực của ông vẫn không bỏ. Nay bà không còn tình cảm với ông C nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà với ông C có 01 con chung tên: Nguyễn Phước L, sinh ngày: 29/01/2012. Từ khi ly thân đến nay, cháu L đang sống chung với bà. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung.

Ông Nguyễn Phước C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn như lời bà P trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông và bà P bất đồng quan điểm nên vào năm 2016 bà P nộp đơn ly hôn nhưng sau đó ông bệnh nhập viện thì bà P rút đơn ly hôn về chung sống lại, cho đến tháng 6/2017 bà P tự ý bỏ nhà đi. Ông đi kiếm gặp bà P và rước về chung sống, được khoảng 01 tháng thì bà P lại bỏ nhà đi tiếp, khi mẹ bà P bệnh ông đến thăm thì gặp bà P nói chuyện với người đàn ông khác không bình thường nên cự cãi và bà P tiếp tục bỏ nhà đi tiếp và ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nay ông còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông với bà P có 01 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà P trình bày. Hiện nay con chung đang sống chung với bà P. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Ông và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung.

Chứng cứ bà P và ông C cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà P vẫn bảo lưu ý kiến. Ông C vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông C theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đề nghị HĐXX không công nhận bà Nguyễn Thị P – ông Nguyễn Phước C là quan hệ vợ chồng; giao cháu Nguyễn Phước L cho bà P được tiếp tục nuôi và công nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông C cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông C, HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà P và ông C cùng xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông bà phù hợp với giấy xác nhận số: 16/XNHT-PTP ngày 12/10/2017 của Phòng Tư pháp huyện A. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc Hội và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà P và ông C là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà P, ông C về việc nuôi cháu Nguyễn Phước L, sinh ngày: 29/01/2012. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay hai cháu L sống chung với bà P, tình cảm giữa bà, cháu L đã thật sự gắn bó. Ông C cũng thừa nhận từ khi ly thân đến nay do công việc không ổn định nên không có thu nhập để hỗ trợ bà P chăm sóc con và hiện tại ông đang làm phụ hồ nên điều kiện để chăm sóc cháu là không đảm bảo.

Do đó, để đảm bảo sự chăm sóc cho cháu, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, sự ổn định về mặt tâm lý, sự gắn bó giữa tình cảm mẹ con. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu L cho bà P được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có nợ chung nên Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Phước C là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày: 29/01/2012. Công nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010890 ngày 24/10/2017.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng